

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
(CNS)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 687/CNS-PHTC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Tài chính doanh nghiệp.

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY CÔNG
NGHIỆP SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2024

I. CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: triệu đồng.

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2024/Kế hoạch năm 2024	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2024/Thực hiện 6 tháng đầu năm 2023
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu thuần	1.956.268	4.140.902	1.850.167	44,68%	94,58%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.950.711	4.054.583	1.847.068	45,56%	94,69%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	5.025	86.319	3.042	3,52%	60,54%
3	Thu nhập khác	532	0	57	-	10,71%
II	Tổng chi phí	1.764.515	3.695.419	1.643.591	44,48%	93,15%
1	Giá vốn hàng bán	1.656.127		1.536.952		92,80%
2	Chi phí tài chính	2.195		1.716		78,18%
	Trong đó, lãi vay	0		0		-
3	Chi phí bán hàng	805		543		67,45%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	105.388		103.821		98,51%
5	Chi phí khác	0		559		-

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2024/Kế hoạch năm 2024	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2024/Thực hiện 6 tháng đầu năm 2023
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	90,20%		88,83%		98,48%
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	5,39%		5,61%		
IV	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	191.753	445.483	206.576	46,37%	107,73%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	191.221		207.079		108,29%
2	Lợi nhuận khác	532		(502)		-

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2024 đạt 44,68% so với kế hoạch, bằng 94,58% so với giá trị thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Cơ cấu doanh thu 6 tháng đầu năm 2024 như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 99,83% tổng doanh thu, giảm 5,31% so với giá trị thực hiện cùng kỳ năm trước.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,16% tổng doanh thu, giảm 39,46% so với giá trị thực hiện cùng kỳ năm trước.

+ Doanh thu hoạt động tài chính giảm chủ yếu do doanh thu từ hoạt động tiền gửi 6 Tháng đầu năm 2024, giảm 1.983 triệu đồng tương đương giảm (64,71%) so với giá trị thực hiện cùng kỳ năm trước.

+ Thu nhập khác giảm mạnh, giảm 89,29% so với giá trị thực hiện cùng kỳ năm trước.

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2024 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2024 bằng 44,48% kế hoạch, giảm 6,85% so với giá trị thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 93,51% tổng chi phí, giảm 7,20% so với giá trị thực hiện cùng kỳ năm trước.

+ Chi phí tài chính chiếm 0,10% tổng chi phí, giảm 21,82% so với giá trị thực hiện cùng kỳ năm trước.

+ Chi phí bán hàng chiếm 0,03% tổng chi phí, giảm 32,55% so với giá trị thực hiện cùng kỳ năm trước.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 6,32% tổng chi phí, giảm 1,49% so với giá trị thực hiện cùng kỳ năm trước.

+ Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2024 chiếm 88,83% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với tỷ lệ thực hiện cùng kỳ năm trước (90,20%). Tổng Công ty tiết giảm chi phí so với cùng kỳ năm trước.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 5,61% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với tỷ lệ thực hiện cùng kỳ năm trước (5,39%).

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Tổng Công ty đạt 46,37% kế hoạch năm 2024, bằng 107,73% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh tăng (tăng 8,29% so cùng kỳ năm trước).

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2024	Tỷ lệ
1	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	189.000	202.192	106,98%
2	Vốn chủ sở hữu bình quân (tính theo Điều 5, Điều 12 TT 200/2014/TT-BTC)	Triệu đồng	2.971.252	2.910.130	97,94%
3	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	4.194.167	4.427.365	105,56%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	6,36%	6,95%	109,23%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	4,51%	4,57%	101,35%

Qua bảng trên cho thấy 6 tháng đầu năm 2024 Tổng Công ty có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn 6 tháng đầu năm 2023.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 khả năng thanh toán nợ đến hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) của Tổng Công ty là 3,12 lần.

Khả năng thanh toán nợ đến hạn lớn hơn một (01) cho thấy Tổng Công ty đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Tổng công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 0,42 lần nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại Khoản 4 Điều 20 Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ (*hệ số nợ phải trả không quá ba lần vốn chủ sở hữu*).

Trong đó, Tổng Công ty không có khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2024
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	4.151.036	4.188.835
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	2.807.502	2.887.499
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	1.343.534	1.301.337
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	67,63%	68,93%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	32,37%	31,07%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	4.151.036	4.188.835
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	952.409	1.218.978
	- Ngắn hạn	Triệu đồng	710.098	925.729
	- Dài hạn	Triệu đồng	242.310	293.249
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	3.198.627	2.969.857
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	22,94%	29,10%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	77,06%	70,90%

- Cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu Tổng tài sản của Tổng Công ty, chủ yếu là khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền (1.098.561 triệu đồng), Hàng tồn kho (939.401 triệu đồng).

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp (29,10%) trong tổng nguồn vốn của Tổng Công ty.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao (70,90%) trong tổng nguồn vốn của Tổng công ty.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Sau khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 của Tổng Công ty có lãi, như vậy theo

quy định tại Khoản 3 Điều 22 Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, Tổng Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư tài sản:

Tổng Công ty đang thực hiện 07 dự án với tổng mức đầu tư là 310.064 triệu đồng; trong đó có 01 Dự án nhóm B với tổng mức đầu tư là 270.316 triệu đồng. Giá trị khối lượng đã thực hiện đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 147.763 triệu đồng. Cụ thể:

STT	Dự án	Số lượng	Tổng mức đầu tư	Giá trị khối lượng đã thực hiện đến ngày 30 tháng 6 năm 2024
1	Nhóm A	-	-	-
2	Nhóm B	01	270.316	126.127
3	Nhóm C	06	39.749	21.636
Tổng cộng		07	310.064	147.763

Cụ thể như sau:

- **Dự án 1:** Dự án đầu tư sản xuất thử nghiệm Tổ máy phát điện chạy bằng sức gió, 2 hệ cánh đồng trục.

+ Tổng mức vốn đầu tư: 270.316 triệu đồng.

+ Nguồn vốn huy động:

- ✓ Vốn hỗ trợ từ nguồn ngân sách khoa học công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh: 43.926 triệu đồng.
- ✓ Vốn góp từ Quỹ phát triển khoa học công nghệ của Tổng Công ty: 113.195 triệu đồng.
- ✓ Vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh (Tradincorp): 113.195 triệu đồng.

+ Thời gian hoàn thành: Dự kiến hết tháng 5 năm 2025 (theo Quyết định số 451/QĐ- CNS ngày 06 tháng 11 năm 2023).

+ Tiến độ thực hiện: 46,44%.

- **Dự án 2:** Dự án Bảo trì, sửa chữa công trình xây dựng Nhà máy thuốc lá Bến Thành Craven "A" năm 2022.

+ Tổng giá trị đầu tư: 5.848 triệu đồng (tạm tính theo giá trị quyết toán các hợp đồng).

+ Nguồn vốn huy động: Vốn tự có của Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH Một thành viên.

+ Thời gian hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng: ngày 28/12/2023.

+ Tiến độ thực hiện: Đang ở giai đoạn bảo hành công trình và thực hiện quyết toán dự án hoàn thành theo quy định.

- **Dự án 3:** Dự án Bảo trì, sửa chữa công trình xây dựng Văn phòng Tổng Công ty năm 2022.

+ Tổng giá trị đầu tư: 1.196 triệu đồng (tạm tính theo giá trị quyết toán các hợp đồng).

+ Nguồn vốn huy động: Vốn tự có của Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH Một thành viên.

+ Thời gian hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng: ngày 06/9/2023.

+ Tiến độ thực hiện: Đang ở giai đoạn bảo hành công trình và thực hiện quyết toán dự án hoàn thành theo quy định.

- **Dự án 4:** Dự án Bảo trì, sửa chữa công trình xây dựng Nhà máy thuốc lá Khánh Hội năm 2022.

+ Tổng giá trị đầu tư: 2.775 triệu đồng (tạm tính theo giá trị quyết toán các hợp đồng).

+ Nguồn vốn huy động: Vốn tự có của Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH Một thành viên.

+ Thời gian hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng: ngày 20/02/2024.

+ Tiến độ thực hiện: Đang ở giai đoạn bảo hành công trình và thực hiện quyết toán dự án hoàn thành theo quy định.

- **Dự án 5:** Dự án Không gian văn hóa Hồ Chí Minh.

+ Tổng giá trị đầu tư: 1.224 triệu đồng (tạm tính theo giá trị quyết toán các hợp đồng và giá trị gói thầu “Kiểm toán” theo Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt).

+ Nguồn vốn huy động: Vốn tự có của Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH Một thành viên.

+ Thời gian hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng: ngày 29/3/2024.

+ Tiến độ thực hiện: Đang ở giai đoạn bảo hành công trình và thực hiện quyết toán dự án hoàn thành theo quy định.

- **Dự án 6:** Dự án kiểm chứng tính thực tiễn kỹ thuật công nghệ về xử lý nước thải của Nhật Bản giúp tiết kiệm năng lượng, nhằm cải tiến khả năng xử lý nước thải ở Việt Nam.

+ Tổng giá trị đầu tư: 11.667 triệu đồng (Theo Tờ trình 610/TTr-CNS ngày 10/10/2018).

+ Nguồn vốn huy động: Vốn viện trợ không hoàn lại (JICA-Nhật Bản) và vốn đối ứng của Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH Một thành viên.

+ Thời gian hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng: năm 2018.

+ Tiến độ thực hiện: Hoàn thành 100% (Tổng Công ty đã trình Sở Tài chính thẩm định báo cáo quyết toán dự án hoàn thành từ tháng 01/2019. Tuy nhiên, hiện nay Tổng Công ty đang thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án theo hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố).

- **Dự án 7:** Dự án Đầu đọc thẻ thông minh đa dụng thương hiệu CNS.

+ Tổng mức vốn đầu tư: 16.516 triệu đồng.

+ Nguồn vốn huy động: Vốn tự có từ Quỹ phát triển Khoa học Công nghệ của Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH Một thành viên.

+ Thời gian hoàn thành: Đang thực hiện báo cáo đánh giá và phương án nghiệm thu kết quả dự án theo thực tế đã thực hiện cuối giai đoạn 3; không phát sinh thêm chi phí cho giai đoạn 4 (theo báo cáo số 97/BC-NCPT ngày 15 tháng 12 năm 2023).

+ Tiến độ thực hiện: 59,02%.

b. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, tổng số vốn huy động (Vay của tổ chức và cá nhân khác) của Tổng công ty là 19.752 triệu đồng.

c. Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp:

- Tổng Công ty thực hiện đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp theo đúng quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014.

- Tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2024, Tổng Công ty đã thực hiện đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng giá trị là 1.068.447 triệu đồng, bao gồm:

+ Đầu tư vào 06 công ty con: 636.466 triệu đồng.

+ Đầu tư vào 09 công ty liên doanh, liên kết: 369.629 triệu đồng.

+ Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: 62.352 triệu đồng.

d. Hiệu quả đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp:

Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	Lĩnh vực đầu tư	Giá trị đầu tư	Lợi nhuận, cổ tức được chia	Tỷ suất sinh lời (%)
A	B	(1)	(2)	(3) = (2)/(1)
I	Kinh doanh chính	977.995	104	0,01%
II	Ngoài kinh doanh chính	90.452	0	0,00%
1	Chứng khoán	-	-	-
2	Bảo hiểm	-	-	-
3	Ngân hàng	-	-	-
4	Bất động sản	30.700	-	-
5	Quỹ đầu tư	-	-	-
6	Khác	59.752	-	-
Tổng cộng (I+II)		1.068.447	104	0,01%

e. Tình hình quản lý tài sản:

Trong 6 tháng đầu năm 2024, Tổng công ty thực hiện tăng từ dự án đầu tư hoàn thành, mua sắm tài sản cố định với tổng nguyên giá là 384,46 triệu đồng. Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong năm phù hợp với quy định tại Điều 24 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014.

Tổng Công ty thực hiện đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định theo đúng quy định tại Điều 23 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ.

Trong 6 tháng đầu năm 2024, Tổng Công ty không có thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

- Đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, tổng giá trị hàng tồn kho là 939.401 triệu đồng. Tổng Công ty không có các khoản hàng hóa thiếu hụt, kém, mất phẩm chất.

f. Tình hình công nợ:

Công nợ phải thu:

Quản lý công nợ phải thu: Đến thời điểm 30/6/2024, tổng số nợ phải thu của Tổng Công ty là 740.404.339.478 đồng. Trong đó, nợ phải thu khó đòi đã trích lập dự phòng là 31.781.156.650 đồng, chủ yếu là các khoản bảo lãnh các Công ty con và các khoản hỗ trợ vốn (chiếm 90% nợ khó đòi), phần còn lại là các khoản nợ do một số khách hàng/ cá nhân không có khả năng thanh toán hoặc không chịu thanh toán:

Các khoản bảo lãnh các Công ty con và các khoản hỗ trợ vốn còn phải trả Tổng Công ty tính đến 30/6/2024 như sau:

- Công ty Cổ phần SAHABAK: 7.943.208.333 đồng (đã trích lập dự phòng 100%).

- Công ty cổ phần Chỉ sợi cao su V.R.G SA DO (SADO): 18.971.686.856 đồng (đã trích lập dự phòng vốn 12.140.120.230 đồng và lãi 3.833.342.174 đồng).

+ Hợp đồng 082/HĐ-CNS ngày 21/4/2017: là 7.881.306.757 đồng, trong đó bao gồm khoản nợ vay (5.502.505.510 đồng) và lãi quá hạn phát sinh (2.378.801.247 đồng).

+ Hợp đồng số 336/HĐ-CNS ngày 26/10/2018 là : 10.345.907.806 đồng, trong đó bao gồm khoản nợ vay (6.637.614.720 đồng) và lãi quá hạn phát sinh (3.708.293.086 đồng).

+ Ngoài ra Sado còn phân công nợ phải trả Tổng công ty về hệ thống xử lý nước thải là 744.472.293 đồng.

- Công ty cổ phần Bất động sản Sài Gòn Đông Dương (CNS Land): 64.297.053.940 đồng.

+ Vốn góp Dự án đầu tư : 60.000.000.000 đồng.

+ Giá trị xây dựng công trình trên đất tại mặt bằng 131 Lê Lợi : 3.297.053.940 đồng (đã trích lập dự phòng 100%).

+ Các khoản nợ phải thu : 596.666.469 đồng (nợ quá hạn đã trích lập dự phòng 100%), đây là khoản nợ ghi nhận theo số liệu của Công ty Điện tử tin học Sài Gòn khi sáp nhập về làm Trung tâm nghiên cứu Phần mềm SSP của Tổng Công ty năm 2012.

- Các khoản nợ phải thu ghi nhận tại các Nhà máy: 407.357.997 đồng (nợ quá hạn đã trích lập dự phòng 100%):

+ Nhà máy Thuốc Lá Khánh Hội: 240.000.000 đồng.

+ Nhà máy Thuốc Lá Bến Thành: 16.758.000 đồng.

+ Nhà máy CNS Thạnh Phát: 150.599.997 đồng.

Công nợ phải trả

Tổng Công ty đã ban hành và thực hiện Quy chế quản lý nợ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Tổng Công ty thực hiện tốt trong việc thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn hợp đồng.

Các khoản nợ phải trả đã quá hạn thanh toán: Tổng công ty không có các khoản nợ phải trả đã quá hạn.

Các số phát sinh tăng/giảm đột biến: 6 tháng đầu năm 2024, Tổng Công ty có nhập lá thuốc lá Cotab chưa tách cộng tương đương 30 tỷ đồng.

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Tổng Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2024 là 1.780.013.781.396 đồng, đạt 53,29% kế hoạch, tăng 16,15% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

Đến ngày 20 tháng 7 năm 2024, Tổng Công ty đã nộp vào ngân sách Nhà nước đầy đủ.

Trong 6 tháng đầu năm 2024, Tổng Công ty không có quyết định xử phạt về thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Trong 6 tháng đầu năm 2024, Tổng Công ty không bị xử lý vi phạm hành chính trong việc chấp hành pháp luật về lao động, tiền lương.

c. Tình hình chấp hành pháp luật trong lĩnh vực khác:

Không có.

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

T.N.H.H
H.N.H.

[Signature]

Trong 6 tháng đầu năm 2024, Tổng Công ty đã thực hiện đầy đủ chỉ đạo chung và chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố.

(Số liệu báo cáo căn cứ theo báo cáo tài chính Quý II năm 2024 của Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH Một thành viên).

II. KẾT LUẬN:

Trong 6 tháng đầu năm 2024, Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH Một thành viên có doanh thu đạt 44,68% so với kế hoạch năm 2024, giảm 5,42% so với cùng kỳ năm trước; lợi nhuận đạt 46,37% kế hoạch, tăng 7,73% so với cùng kỳ năm trước; số phát sinh phải nộp ngân sách đạt 53,29% kế hoạch, tăng 16,15% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính ☒
 - Mất an toàn về tài chính ☐

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- BAKS;
- BTGD;
- KTNB;
- Lưu: VPCQ, PHTC (NTS).

Người lập biểu



Nguyễn Thái Sang

Tổng Giám Đốc 



Nguyễn Phương Đông

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
(CNS)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2024

- Kính gửi:
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
 - Chi cục Tài chính Doanh nghiệp thành phố Hồ Chí Minh
 - Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Biểu số 02.C

ĐVT: triệu đồng

Nội dung	Cùng kỳ năm 2022	Cùng kỳ năm 2023	Thực hiện năm 2024		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện kỳ	Cùng kỳ năm 2022	Cùng kỳ năm 2023	Kế hoạch năm
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu (bao)	245.515.220	230.072.285	563.378.350	247.243.840	100,70%	107,46%	43,89%
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu (bao)	245.515.220	230.072.285	563.378.350	247.243.840	100,70%	107,46%	43,89%
3. Tồn kho cuối kỳ (bao)							
B. Chỉ tiêu tài chính							
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.922.978	1.950.711	4.054.583	1.847.068	96,05%	94,69%	45,56%
2. Giá vốn hàng bán	1.617.604	1.656.127		1.536.952	95,01%	92,80%	
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	305.374	294.584		310.116	101,55%	105,27%	
4. Doanh thu hoạt động tài chính	14.240	5.025	86.319	3.042	21,36%	60,54%	
5. Chi phí tài chính	5.309	2.195		1.716	32,32%	78,18%	
6. Chi phí bán hàng	719	805		543	75,58%	67,48%	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	101.662	105.388		103.821	102,12%	98,51%	
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	211.925	191.221		207.079	97,71%	108,29%	
9. Thu nhập khác	0	532	0	57	2712309,16%	10,68%	
10. Chi phí khác	445	0		559	125,48%		
11. Lợi nhuận khác	-445	532		-502	112,72%	-94%	
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	211.480	191.753	445.483	206.576	97,68%	107,73%	46,37%

Nội dung	Cùng kỳ năm 2022	Cùng kỳ năm 2023	Thực hiện năm 2024		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện kỳ	Cùng kỳ năm 2022	Cùng kỳ năm 2023	Kế hoạch năm
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	42.296	2.753	89.097	4.384	10,37%	159,23%	4,92%
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	169.184	189.000	356.387	202.192	119,51%	106,98%	56,73%

GHI CHÚ: Cột (1), (2) : Theo Báo cáo tài chính các năm trước liền kề năm Báo cáo,
 Thông tin về chi tiêu tài chính lấy từ báo cáo tài chính doanh nghiệp nhà nước./.

Người lập biểu

(Signature)

Nguyễn Thái Sang

- Nơi nhận:
- Như trên;
 - HĐTV;
 - Lưu: VPCQ, PHTC (NTS)

Tổng Giám đốc

(Signature)



Nguyễn Phương Đông

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
(CNS)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
- Chi cục Tài chính Doanh nghiệp thành phố Hồ Chí Minh
- Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh

Biểu số 02.B

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Báo hình kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư																		
		Giá trị vốn góp				Tỷ lệ vốn góp (%)				Vốn Điều lệ	Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết	Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế		Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia năm báo cáo	Tỷ lệ lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của công ty con, công ty liên kết	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết	
		Kế hoạch	Năm trước	Tại thời điểm 30/6/2024	Kế hoạch	Năm trước	Tại thời điểm 30/6/2024	(9)	(10)			(11)	(12)	(13)	(14)					(15)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)													
I	Công ty con	636.466	636.466	636.466				675.123						-	0,00%					
1	Công ty TNHH MTV Cao su Thống Nhất	235.787	235.787	235.787	100%	100%	100%	235.787	276.857	339.650	393.387	27.022	32.519		0,00%	1.376	1.326			
2	Công ty TNHH MTV Phát triển khu công nghệ cao TP.HCM	62.100	62.100	62.100	100%	100%	100%	53.720	53.121	12.126	7.709	180	25		0,00%	2.398	1.361			
3	Công ty TNHH MTV Phát triển CVPM Quang Trung	153.490	153.490	153.490	100%	100%	100%	154.779	228.140	159.583	170.142	14.570	15.348		0,00%	1.336	1.076			
4	Công ty TNHH CNS Amura Precision	38.295	38.295	38.295	97,35%	97,35%	97,35%	41.400	(54.073)	84.385	94.900	-23.475	(7.208)		0,00%	0,916	(8,25)			
5	Công ty CP Công nghiệp TM Hữu Nghị	34.294	34.294	34.294	87,26%	87,26%	87,26%	39.437	127.624	4.021	4.225	467	373	-	0,00%	2.571	0,199			
6	Công ty CP dịch vụ An toàn Thông tin TPHCM	112.500	112.500	112.500	80,65%	80,65%	80,65%	150.000	138.618	11.733	2.931	(461)	(821)	-	0,00%	192,526	0,005			
II	Công ty liên kết	369.629	369.629	369.629				1.026.493						-	0,00%					
1	Công ty CP Nhựa Sài Gòn	44.995	44.995	44.995	45,00%	45,00%	45,00%	86.392												
2	Công ty CP Bất động sản Sài Gòn Đông Dương	30.700	30.700	30.700	49,14%	49,14%	49,14%	62.470												
3	Công ty TNHH Công nghệ môi Việt - Nega	2.050	2.050	2.050	68,33%	68,33%	68,33%	5.000												
4	Công ty CP Chì sợi Cao su V.R.G SA DO	157.000	157.000	157.000	49,06%	49,06%	49,06%	320.000	(219.480)	51.127	59.052	(42.612)	(36.965)	-	0,00%	0,058	(2,212)			
5	Công ty CP Cao su Bến Thành	28.491	28.491	28.491	19,86%	19,86%	19,86%	123.750	200.773	147.815	178.595	7.446	9.947	-	0,00%	2,110	0,495			
6	Công ty CP ĐITM Bến Thành	14.500	14.500	14.500	29,00%	29,00%	29,00%	50.000	32.884	194.513	137.053	762	(450)			7,453	0,115			
7	Công ty CP Dầu từ Sài Gòn - Đồng Hà	14.400	14.400	14.400	7,76%	7,76%	7,76%	185.507	83.089	12.445	12.546	(5.870)	(4.247)	-	0,00%	0,220	0,886			
8	Singer (Viet Nam) Company Limited	19.194	19.194	19.194	30,00%	30,00%	30,00%	63.980												
9	Công ty CP SAHABAK	58.299	58.299	58.299	45,06%	45,06%	45,06%	129.394												
III	Đầu tư tài chính	62.352	62.352	62.352				704.700						104	0,17%					

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư						Vốn Điều lệ	Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết	Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế		Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia năm báo cáo	Tỷ lệ lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của công ty con, công ty liên kết	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết
		Giá trị vốn góp			Tỷ lệ vốn góp (%)					Kỳ/Năm trước	Kỳ/Năm báo cáo						
		Kế hoạch	Năm trước	Tại thời điểm 30/6/2024	Kế hoạch	Năm trước	Tại thời điểm 30/6/2024										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)=(15)/(5)	(17)	(18)
1	Công ty CP Cơ khí Sinco	2.600	2.600	2.600	10,00%	10,00%	10,00%	26.000	20.222	6.700	12.173	(1.000)	480	104	4,00%	3,523	0,309
2	Công ty CP ĐT&PT hạ tầng Khu công nghệ cao Sài Gòn	19.752	19.752	19.752	6,58%	6,58%	6,58%	300.000									
3	Công ty CP Đầu tư phát triển Gia Định	40.000	40.000	40.000	6,60%	6,60%	6,60%	378.700	496.663	7.905	6.491	199	178	-	0,00%	1,334	0,422

- Đánh giá của Tổng công ty:

+ Hiệu quả đầu tư vốn thấp do một số công ty hoạt động kinh doanh chính gặp nhiều khó khăn, một số công ty đang trình giải thể hoặc trong giai đoạn đầu tư, mới đi vào hoạt động chưa có lãi.

+ Hiệu quả đầu tư tài chính thấp do phần lớn các công ty chưa tổ chức đại hội cổ đông.

- Giải pháp của Tổng công ty đối với khoản vốn đầu tư tại công ty con, công ty liên kết nếu hiệu quả đầu tư tại công ty này thấp hoặc tiềm ẩn rủi ro tài chính: Tổng công ty đã có công văn xin Ủy ban nhân dân TP.HCM thoái vốn tại các công ty này./.



Người lập biểu



Nguyễn Thái Sang

Nơi nhận:

- Như trên;

- HĐTV;

- Lưu: VPCQ, PHTC (NTS)



UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
(CNS)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
- Chi cục Tài chính Doanh nghiệp thành phố Hồ Chí Minh
- Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh

Biểu 02..A

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỀ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB
(Bản hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

DVT: triệu đồng

T T	Tên dự án	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức vốn đầu tư					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Giá trị khối lượng thực hiện đến ngày 30/06/2024				Giải ngân đến ngày 30/06/2024			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 30/06/2024	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 30/06/2024		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
A Các dự án nhóm A																			
B Các dự án nhóm B			270.316	113.195		157.121						126.127	-	126.127	126.127	-	126.127	-	
1	Dự án đầu tư sản xuất thủ nghiệm Tổ máy phát điện chạy bằng sức gió, 2 hệ cảnh dòng trực	426/QĐ-CNS ngày 21/11/2017 298/QĐ-CNS ngày 16/09/2020, 451/QĐ-CNS ngày 06/11/2023	270.316	113.195	41,88%	157.121	58,12%	2016 - 05/2025				126.127	0	126.127	126.127	0	126.127		
C	Các dự án nhóm C		39.749	30.032		9.717						17.652	3.984	21.636	17.652	3.984	21.636	11.539	
1	Bảo trì, sửa chữa công trình xây dựng Nhà máy thuốc lá Bền Thành Craven "A" năm 2022	346/QĐ-CNS ngày 21/11/2022	6.399	6.399	100,00%	0	0,00%	II/2022- IV/2024				5.848	-	5.848	5.848	-	5.848	Đang quyết toán	
2	Bảo trì, sửa chữa công trình xây dựng công trình xây dựng Văn phòng Tổng Công ty năm 2022	345/QĐ-CNS ngày 21/11/2022	1.312	1.312	100,00%	0	0,00%	II/2022- III/2024				1.196	-	1.196	1.196	-	1.196	Đang quyết toán	
3	Bảo trì, sửa chữa công trình xây dựng Nhà máy thuốc lá Khánh Hội năm 2022	347/QĐ-CNS ngày 21/11/2022	3.391	3.391	100,00%	0	0,00%	II/2022- IV/2024				0	2.775,00	2.775	0	2.775,00	2.775	Đang quyết toán	
4	Không gian văn hóa Hồ Chí Minh	495/QĐ-CNS ngày 17/11/2023	1.442	1.442	100,00%	0	0,00%	III/2023- IV/2024				0	1.209,00	1.209	0	1.209,00	1.209	Đang quyết toán	

T T	Tên dự án	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức vốn đầu tư				Thời gian đầu tư theo kế hoạch			Nguồn vốn vay động			Giá trị khối lượng thực hiện đến ngày 30/06/2024				Giải ngân đến ngày 30/06/2024		Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%			Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 30/06/2024	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 30/06/2024	
5	Kiểm chứng tính thực tiễn kỹ thuật công nghệ về xử lý nước thải của Nhật Bản giúp tiết kiệm năng lượng, nhằm cải tiến khả năng xử lý nước thải ở Việt Nam	3089/QĐ-UBND ngày 15/6/2017	10.688	972	9,09%	9.717	90,91%	5/2017-3/2018					860	-	860	860	-	860	11.539
6	Dự án Đầu đọc thẻ thông minh đa dụng thương hiệu CNS	201/QĐ-CNS ngày 31/5/2017	16.516	16.516	100,00%	0	0,00%	2017-2018					9.748	-	9.748	9.748	-	9.748	

GHI CHÚ: Số liệu từ cột (2) đến cột (12) theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền. Các dự án nêu trên là dự án do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hoặc thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp/.

Người lập biểu

(Signature)

Nguyễn Thái Sang

- Nơi nhận:
- Như trên;
 - HĐTV;
 - Lưu: VPCQ, PHTC (NTS)

Tổng Giám đốc



Nguyễn Phương Đông

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
(CNS)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
- Chi cục Tài chính doanh nghiệp thành phố Hồ Chí Minh
- Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh

Biểu số 02.Đ

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

DVT: triệu đồng

Chi tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
1. Thuế	343.723	1.417.066	1.539.692	221.097
- Thuế GTGT	27.246	218.983	216.373	29.856
- Thuế TNDN	71.996	4.384	91.893	(15.513)
- Thuế Xuất, nhập khẩu	(101)	2.424	2.400	(77)
- Thuế đất	20	166,23	166,23	20
- Các khoản thuế khác	244.562	1.191.108	1.228.861	206.810
2. Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
- Phí, lệ phí	-	-	-	-
- Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định	170.282	362.947,82	589.404	(56.174)

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

DVT: triệu đồng

Chi tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Dư cuối năm
1. Quỹ Đầu tư phát triển	483.051	-	362.782,20	120.269
2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	196.740	11,00	5.948,00	190.803
3. Quỹ thưởng VCQLDN	6.856	-	-	6.856
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN	-	-	-	0
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)	-	-	-	0

Thuyết minh tăng giảm quỹ trong năm:

- Quỹ khen thưởng phúc lợi: tăng do UBND khen thưởng, giảm do chi thưởng cho CB-CNV các dịp tết nguyên đán; giỗ tổ Hùng Vương; lễ 30/4, 1/5, 2/9./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐTV;
- Lưu: VPCQ, PHTC (NTS)

Người lập biểu



Nguyễn Thái Sang



Tổng Giám đốc



Nguyễn Phương Đông

